BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 232 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khí tượng thủy văn do Bộ Tài nguyên và Môi trường đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng ngân sách nhà nướcnăm 2020 (Theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc khí tượng;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 40/2016/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường;

Căn cứ Thông tư số 41/2016/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm;

Căn cứ Thông tư số 36/2016/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế-kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 52/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Công văn số 534/BTC-QLG ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc về việc tham gia ý kiến về bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khí tượng thủy văn;

Xét đề nghị của Cục Công nghệ Thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tại Công văn số 607/CNTT- CNPM ngày 27 tháng 11 năm 2019 về việc trình Bộ xem xét ban hành bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khí tượng thủy văn do Bộ Tài nguyên và Môi trường đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng ngân sách nhà nước năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

Điều 2. Điều kiện áp dụng Bộ đơn giá:

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: sử dụng đơn giá không có khấu hao tài sản cố định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc thực hiện theo phương thức đấu thầu, ký hợp đồng cho các tổ chức,

doanh nghiệp bên ngoài thực hiện: sử dụng đơn giá có khấu hao tài sản cố định (đã loại trừ phần thuế giá trị gia tăng đối với các yếu tố đầu vào: chi phí vật liệu; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí năng lượng; chi phí nhiên liệu…).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công thực hiện kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch- Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tổ chức cán bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá);
- Kho bạc nhà nước Trung ương;
- Lưu VT, KHTC, L.20

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ngày ký: 22-01-2020 13:59:51 +07:00

Lê Công Thành

Ký bởi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ngày ký: 22.01.2020 14:00:24 +07:00

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN GIÁ

SẢN PHẨM LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NĂM 2020

(Theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Hà Nội, năm 2020

Ký bởi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ngày ký: 22.01.2020 14:00:02 +07:00

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	KK	Chi phí trực tiếp								Chi phí chung	Đơn giá (Ko KH)	Đơn giá (Có KH)	Phụ cấp ưu đãi nghề 5%	Phụ cấp 0,1 theo mức lương cơ sở
				Chi phí nhân công		Vật liệu	Công cụ, dụng cụ (4)	Năng lượng	Nhiên liệu	Khấu hao TSCĐ	Tổng CP trực tiếp					
				LĐKT	LĐPT											
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= 1+2+3+4+5+6	(9)	(10)= 8+9			
1	**CÔNG TÁC DỰ BÁO CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG**															
1.1	Dự báo cảnh báo thời tiết điểm đến 10 ngày	Bản tin	KK1	644.660		68.806	18.108	103.274	338	160.608	835.186	125.278	960.464	1.108.462	22.462	12.092
1.2	Dự báo cảnh báo xu thế thời tiết trên đất liền hạn đến 10 ngày	Bản tin	KK1	591.371		68.806	18.108	103.274	338	160.608	781.897	117.284	899.181	1.047.180	20.605	11.060
1.3	Dự báo cảnh báo thời tiết trên biển	Bản tin	KK1	479.974		68.805	14.335	83.818	338	133.426	647.270	97.090	744.360	866.367	16.724	8.195
1.4	Dự báo cảnh báo thời tiết thời hạn dài	Bản tin	KK1	2.081.283		99.911	58.403	343.400	338	547.559	2.583.335	387.500	2.970.835	3.490.828	72.519	35.416
1.5	Dự báo cảnh báo thời tiết thời hạn mùa	Bản tin	KK1	6.623.331		160.911	159.571	917.336	338	1.496.062	7.861.487	1.179.223	9.040.710	10.475.421	230.778	111.750
1.6	Dự báo, cảnh báo ấp thấp nhiệt đới, bão	Bản tin	KK1	802.686		94.817	16.108	86.869	338	131.996	1.000.819	150.123	1.150.941	1.268.230	27.968	12.550
1.7	Dự báo, cảnh báo mưa lớn, định lượng mưa	Bản tin	KK1	1.282.125		69.153	23.297	132.653	338	218.425	1.507.566	226.135	1.733.701	1.938.497	44.673	18.682
1.8	Dự báo, cảnh báo không khí lạnh	Bản tin	KK1	1.007.833		69.153	19.056	131.773	338	200.425	1.228.153	184.223	1.412.376	1.598.889	35.116	15.530
1.9	Dự báo, cảnh báo nắng nóng	Bản tin	KK1	603.263		69.153	13.834	98.264	338	145.514	784.851	117.728	902.578	1.035.731	21.020	10.774
1.10	Dự báo, cảnh báo dông, sét, tố, lốc, mưa đá và mưa lớn cục bộ	Bản tin	KK1	504.488		99.515	9.918	73.132	338	104.331	687.391	103.109	790.499	880.457	17.578	7.622
1.11	Dự báo, cảnh báo sương mù, gió lạnh trên biển	Bản tin	KK1	519.455		99.515	11.225	81.509	338	118.058	712.042	106.806	818.848	922.145	18.099	7.908
2	**CÔNG TÁC DỰ BÁO CẢNH BÁO THỦY VĂN**															
2.1	Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn	Bản tin	KK1	744.224		33.182	21.523	122.730	338	157.653	921.997	138.300	1.060.297	1.206.540	25.931	12.780
2.2	Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa	Bản tin	KK1	1.016.279		34.345	28.944	161.641	338	212.015	1.241.548	186.232	1.427.780	1.625.896	35.410	17.364
2.3	Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài	Bản tin	KK1	1.526.557		74.734	37.768	192.851	338	253.663	1.832.248	274.837	2.107.085	2.340.337	53.190	25.387
2.4	Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn mùa	Bản tin	KK1	2.019.688		42.541	73.092	342.110	338	469.367	2.477.770	371.665	2.849.435	3.292.279	70.372	36.104

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	KK	Chi phí trực tiếp								Chi phí chung	Đơn giá (Ko KH)	Đơn giá (Có KH)	Phụ cấp ưu đãi nghề 5%	Phụ cấp 0,1 theo mức lương cơ sở
				Chi phí nhân công		Vật liệu	Công cụ, dụng cụ (4)	Năng lượng	Nhiên liệu	Khấu hao TSCĐ	Tổng CP trực tiếp					
				LĐKT	LĐPT											
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= 1+2+3+4+5+6	(9)	(10)= 8+9			
2.5	Dự báo nguồn nước thời hạn ngắn	Bản tin	KK1	520.426		36.464	15.023	96.791	338	118.635	669.041	100.356	769.398	877.896	18.133	8.367
2.6	Dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt	Bản tin	KK1	843.114		50.692	21.155	148.528	338	177.853	1.063.826	159.574	1.223.400	1.386.276	29.377	12.665
2.7	Cảnh báo lũ quét, sạt nở đất do mưa lũ hoạch dòng chảy	Bản tin	KK1	596.667		13.256	18.606	131.773	338	156.425	760.641	114.096	874.737	1.021.141	20.790	9.800
2.8	Dự báo, cảnh báo hạn hán	Bản tin	KK1	1.153.532		66.189	32.655	180.965	338	231.964	1.433.679	215.052	1.648.731	1.861.968	40.193	18.109
2.9	Dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn	Bản tin	KK1	1.230.176		78.470	32.655	180.965	338	231.964	1.522.605	228.391	1.750.996	1.962.948	42.863	19.255
3	**CÔNG TÁC DỰ BÁO CẢNH BÁO HẢI VĂN**															
3.1	Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn vừa	Bản tin	KK1	538.641		34.653	14.459	117.489	338	124.600	705.581	105.837	811.418	924.238	18.768	8.539
3.2	Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn dài	Bản tin	KK1	1.235.415		53.893	30.464	207.749	338	252.851	1.527.859	229.179	1.757.037	1.990.827	43.046	21.433
3.3	Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn mùa	Bản tin	KK1	3.283.746		121.783	70.417	558.918	338	673.162	4.035.202	605.280	4.640.482	5.265.735	114.416	53.468
3.4	Dự báo, cảnh báo hải văn trong điều kiện thời tiết nguy hiểm	Bản tin	KK1	580.187		18.627	13.162	142.972	338	156.717	755.286	113.293	868.579	1.014.126	20.216	10.487